

Số/No: 25/TN5/2523-01

Trang/Page: 1/2

VIMCERTS 093/2025/2371

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Mẫu nước thải sinh hoạt 2R1 sau xử lý - Tọa độ X: 2349076; Y: 0574932.
- Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
- Lượng mẫu: 10L.
- Ngày lấy mẫu: 04/11/2025.
- Tình trạng mẫu: Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 04/11/2025 đến ngày: 08/12/2025.
- Ngày hoàn thành: 08/12/2025.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2025

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/2523-01

Trang/Page: 2/2

VIMCERTS 093/2025/2371

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 14:2008/BTNMT Cột A	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492:2011	5 ÷ 9	6,90
2	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	≤ 30	7,4
3	TSS	mg/L	SMEWW 2540D:2023	≤ 50	10,8
4	TDS	mg/L	TN5/HD.HT/05	≤ 500	265
5	Sulfua (H ₂ S)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	≤ 1,0	0,126
6	NH ₄ ⁺ -N	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	≤ 5	< 0,30
7	NO ₃ ⁻ -N	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 30	12,9
8	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	≤ 10	< 3,0
9	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	≤ 5	KPH (GHPH = 0,10)
10	PO ₄ ³⁻ -P	mg/L	US EPA Method 365.3	≤ 6	0,777
11	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221 B:2023	≤ 3000	1,5x10 ²

Ghi chú: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....25/TN5/2523-02.....

Trang/Page:.....1/2

VIMCERTS 093/2025/2372

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

- Tên mẫu thử: **Mẫu nước thải sinh hoạt 2R2 sau xử lý - Tọa độ X: 2348942;
Y: 0575152.**
- Khách hàng: **Công ty Honda Việt Nam.**
- Lượng mẫu: **10L.**
- Ngày lấy mẫu: **04/11/2025.**
- Tình trạng mẫu: **Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.**
- Thời gian thử nghiệm: **Từ ngày: 04/11/2025 đến ngày: 08/12/2025.**
- Ngày hoàn thành: **08/12/2025.**

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT**

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2025

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....25/TN5/2523-02.....

Trang/Page:.....2/2.....

VIMCERTS 093/2025/2372

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 14:2008/BTNMT Cột A	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492:2011	5 ÷ 9	6,89
2	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	≤ 30	4,7
3	TSS	mg/L	SMEWW 2540D:2023	≤ 50	12,0
4	TDS	mg/L	TN5/HD.HT/05	≤ 500	256
5	Sulfua (H ₂ S)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	≤ 1,0	0,119
6	NH ₄ ⁺ -N	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	≤ 5	< 0,30
7	NO ₃ ⁻ -N	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 30	8,05
8	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	≤ 10	< 3,0
9	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	≤ 5	KPH (GHPH = 0,10)
10	PO ₄ ³⁻ -P	mg/L	US EPA Method 365.3	≤ 6	0,161
11	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221 B:2023	≤ 3000	1,7x10 ²

Ghi chú: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....25/TN5/2523-03.....

Trang/Page:.....1/2

VIMCERTS 093/2025/2373

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

- | | |
|--------------------------|---|
| 1. Tên mẫu thử: | Mẫu nước thải sau xử lý hệ thống SH3. |
| 2. Khách hàng: | Công ty Honda Việt Nam. |
| 3. Lượng mẫu: | 10L. |
| 4. Ngày lấy mẫu: | 04/11/2025. |
| 5. Tình trạng mẫu: | Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh. |
| 6. Thời gian thử nghiệm: | Từ ngày: 04/11/2025 đến ngày: 08/12/2025. |
| 7. Ngày hoàn thành: | 08/12/2025. |

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2025

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....25/TN5/2523-03.....

Trang/Page:.....2/2.....

VIMCERTS 093/2025/2373

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 14:2008/BTNMT Cột A	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492:2011	5 ÷ 9	6,98
2	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	≤ 30	5,9
3	TSS	mg/L	SMEWW 2540D:2023	≤ 50	19,2
4	TDS	mg/L	TN5/HD.HT/05	≤ 500	295
5	Sulfua (H ₂ S)	mg/L	SMEWW 4500-S ² .B&D:2023	≤ 1,0	0,120
6	NH ₄ ⁺ -N	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	≤ 5	< 0,30
7	NO ₃ ⁻ -N	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 30	0,921
8	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	≤ 10	< 3,0
9	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	≤ 5	KPH (GHPH = 0,10)
10	PO ₄ ³⁻ -P	mg/L	US EPA Method 365.3	≤ 6	0,191
11	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221 B:2023	≤ 3000	2,2x10 ²

Ghi chú: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....25/TN5/2522-01.....

Trang/Page:.....1/2.....

VIMCERTS 093/2025/2366

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

- Tên mẫu thử: PA - Nước thải công nghiệp 2R1 sau xử lý - Tọa độ X: 2349166;
Y: 0575004.
- Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
- Lượng mẫu: 10L.
- Ngày lấy mẫu: 04/11/2025.
- Tình trạng mẫu: Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 04/11/2025 đến ngày: 08/12/2025.
- Ngày hoàn thành: 08/12/2025.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2025

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....25/TN5/2522-01.....

Trang/Page:.....2/2.....

VIMCERTS 093/2025/2366

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A	Kết quả
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	≤ 40	24,7
2	pH	-	TCVN 6492:2011	6 ÷ 9	7,05
3	Màu	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023	≤ 50	< 10,0
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	≤ 30	4,9
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	≤ 75	16,0
6	SS	mg/L	SMEWW 2540D:2023	≤ 50	15,2
7	As	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,003)
8	Hg	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,005	KPH (GHPH = 0,0003)
9	Pb	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,001)
10	Cd	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,001)
11	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,003)
12	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	US EPA Method 6020B + SMEWW 3500-Cr.B:2023	≤ 0,2	KPH (GHPH = 0,003)
13	Cu	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 2	KPH (GHPH = 0,03)
14	Zn	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 3	KPH (GHPH = 0,05)
15	Ni	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,2	KPH (GHPH = 0,03)
16	Mn	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,5	KPH (GHPH = 0,03)
17	Fe	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 1	KPH (GHPH = 0,03)
18	Xyanua (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181:1996	≤ 0,07	KPH (GHPH = 0,005)
19	Tổng Phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,001)
20	Dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	≤ 5	< 3,0
21	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	≤ 1	KPH (GHPH = 0,30)
22	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	≤ 0,2	< 0,10
23	Florua (F ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 5	0,462
24	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 500	23,1
25	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	≤ 5	< 0,30
26	Tổng N	mg/L	TCVN 6624-2:2000	≤ 20	< 3,0
27	Tổng P	mg/L	US EPA Method 365.3	≤ 4	0,208
28	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	≤ 3000	KPH (GHPH = 1,8)

Ghi chú: QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện; "-" Không quy định trong quy chuẩn.

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....25/TN5/2522-02.....

Trang/Page:.....1/2

VIMCERTS 093/2025/2367

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

- Tên mẫu thử: PA - Nước thải công nghiệp 2R2 sau xử lý - Tọa độ X: 2348961;
Y: 0575158.
- Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
- Lượng mẫu: 10L.
- Ngày lấy mẫu: 04/11/2025.
- Tình trạng mẫu: Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 04/11/2025 đến ngày: 08/12/2025.
- Ngày hoàn thành: 08/12/2025.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2025



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....25/TN5/2522-02.....

Trang/Page:.....2/2.....

VIMCERTS 093/2025/2367

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A	Kết quả
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	≤ 40	24,5
2	pH	-	TCVN 6492:2011	6 ÷ 9	7,04
3	Màu	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023	≤ 50	< 10,0
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	≤ 30	5,9
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	≤ 75	19,2
6	SS	mg/L	SMEWW 2540D:2023	≤ 50	11,2
7	As	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,003)
8	Hg	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,005	KPH (GHPH = 0,0003)
9	Pb	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,001)
10	Cd	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,001)
11	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,003)
12	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	US EPA Method 6020B + SMEWW 3500-Cr.B:2023	≤ 0,2	KPH (GHPH = 0,003)
13	Cu	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 2	KPH (GHPH = 0,03)
14	Zn	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 3	< 0,15
15	Ni	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,2	KPH (GHPH = 0,03)
16	Mn	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,5	KPH (GHPH = 0,03)
17	Fe	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 1	KPH (GHPH = 0,03)
18	Xyanua (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181:1996	≤ 0,07	KPH (GHPH = 0,005)
19	Tổng Phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,001)
20	Dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	≤ 5	< 3,0
21	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	≤ 1	KPH (GHPH = 0,30)
22	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	≤ 0,2	< 0,10
23	Florua (F ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 5	0,516
24	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 500	29,9
25	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	≤ 5	< 0,30
26	Tổng N	mg/L	TCVN 6624-2:2000	≤ 20	< 3,0
27	Tổng P	mg/L	US EPA Method 365.3	≤ 4	0,132
28	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	≤ 3000	KPH (GHPH = 1,8)

Ghi chú: QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện; “-” Không quy định trong quy chuẩn.

- Phiếu kết quả này chỉ giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....25/TN5/2522-03.....

Trang/Page:.....1/2

VIMCERTS 093/2025/2368

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử: PA - Nước thải công nghiệp 4R sau xử lý - Tọa độ X: 2348967; Y: 0574612.
- Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
- Lượng mẫu: 10L.
- Ngày lấy mẫu: 04/11/2025.
- Tình trạng mẫu: Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 04/11/2025 đến ngày: 08/12/2025.
- Ngày hoàn thành: 08/12/2025.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2025

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:....25/TN5/2522-03.....

Trang/Page:....2/2.....

VIMCERTS 093/2025/2368

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A	Kết quả
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	≤ 40	24,8
2	pH	-	TCVN 6492:2011	6 ÷ 9	7,63
3	Màu	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023	≤ 50	< 10,0
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	≤ 30	5,0
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	≤ 75	16,4
6	SS	mg/L	SMEWW 2540D:2023	≤ 50	12,0
7	As	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,05	< 0,10
8	Hg	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,005	KPH (GHPH = 0,0003)
9	Pb	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,001)
10	Cd	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,001)
11	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,003)
12	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	US EPA Method 6020B + SMEWW 3500-Cr.B:2023	≤ 0,2	< 0,010
13	Cu	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 2	KPH (GHPH = 0,03)
14	Zn	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 3	KPH (GHPH = 0,05)
15	Ni	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,2	KPH (GHPH = 0,03)
16	Mn	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,5	KPH (GHPH = 0,03)
17	Fe	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 1	KPH (GHPH = 0,03)
18	Xyanua (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181:1996	≤ 0,07	KPH (GHPH = 0,005)
19	Tổng Phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,001)
20	Dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	≤ 5	< 3,0
21	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	≤ 1	KPH (GHPH = 0,30)
22	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	≤ 0,2	0,106
23	Florua (F ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 5	1,70
24	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 500	70,7
25	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	≤ 5	< 0,30
26	Tổng N	mg/L	TCVN 6624-2:2000	≤ 20	< 3,0
27	Tổng P	mg/L	US EPA Method 365.3	≤ 4	0,704
28	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	≤ 3000	KPH (GHPH = 1,8)

Ghi chú: **QCVN 40:2011/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
KPH: Không phát hiện; **GHPH:** Giới hạn phát hiện; “-” Không quy định trong quy chuẩn.

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/2522-04

Trang/Page: 1/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

VIMCERTS 093/2025/2369

- Tên mẫu thử: UFC - Nước thải hồ điều hòa số 3A - Tọa độ X: 2349047; Y: 0575903.
- Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
- Lượng mẫu: 10L.
- Ngày lấy mẫu: 04/11/2025.
- Tình trạng mẫu: Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 04/11/2025 đến ngày: 08/12/2025.
- Ngày hoàn thành: 08/12/2025.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2025

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 25/TN5/2522-04

Trang/Page: 2/3

VIMCERTS 093/2025/2369

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A	Kết quả
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	≤ 40	24,6
2	pH	-	TCVN 6492:2011	6 ÷ 9	6,79
3	Màu	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023	≤ 50	11,0
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	≤ 30	4,9
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	≤ 75	16,0
6	SS	mg/L	SMEWW 2540D:2023	≤ 50	19,6
7	As	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,003)
8	Hg	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,005	KPH (GHPH = 0,0003)
9	Pb	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,001)
10	Cd	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,001)
11	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,003)
12	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	US EPA Method 6020B + SMEWW 3500-Cr.B:2023	≤ 0,2	KPH (GHPH = 0,003)
13	Cu	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 2	KPH (GHPH = 0,03)
14	Zn	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 3	0,244
15	Ni	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,2	KPH (GHPH = 0,03)
16	Mn	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,5	KPH (GHPH = 0,03)
17	Fe	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 1	KPH (GHPH = 0,03)
18	Xyanua (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181:1996	≤ 0,07	KPH (GHPH = 0,005)
19	Tổng Phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,001)
20	Dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	≤ 5	< 3,0
21	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	≤ 1	KPH (GHPH = 0,30)
22	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	≤ 0,2	0,108
23	Florua (F ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 5	0,673
24	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 500	74,7
25	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	≤ 5	0,583

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....25/TN5/2522-04.....

Trang/Page:.....3/3.....

VIMCERTS 093/2025/2369

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A	Kết quả
26	Tổng N	mg/L	TCVN 6624-2:2000	≤ 20	6,72
27	Tổng P	mg/L	US EPA Method 365.3	≤ 4	0,226
28	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	≤ 3000	$3,5 \times 10^2$
29	TDS	mg/L	TN5/HD.HT/05	$\leq 500^*$	457
30	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	$\leq 5^*$	$< 0,30$
31	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	$\leq 10^*$	$< 3,0$
32	NO ₃ ⁻ -N	mg/L	TCVN 6494-1:2011	$\leq 30^*$	5,87

Ghi chú:

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;

KPH: Không phát hiện; **GHPH:** Giới hạn phát hiện; “-” Không quy định trong quy chuẩn;

“*” **QCVN 14:2008/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....25/TN5/2522-05.....

Trang/Page:.....1/3

VIMCERTS 093/2025/2370

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử: Nước thải điểm xả cuối Honda - Tọa điểm X: 2348984,6553, Y: 575265,9861.
- Khách hàng: Công ty Honda Việt Nam.
- Lượng mẫu: 10L.
- Ngày lấy mẫu: 04/11/2025.
- Tình trạng mẫu: Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh.
- Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 04/11/2025 đến ngày: 08/12/2025.
- Ngày hoàn thành: 08/12/2025.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2025

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:....25/TN5/2522-05.....

Trang/Page:....2/3.....

VIMCERTS 093/2025/2370

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A	Kết quả
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	≤ 40	24,1
2	pH	-	TCVN 6492:2011	6 ÷ 9	6,75
3	Màu	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023	≤ 50	12,7
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	≤ 30	7,8
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	≤ 75	25,8
6	SS	mg/L	SMEWW 2540D:2023	≤ 50	19,8
7	As	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,003)
8	Hg	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,005	KPH (GHPH = 0,0003)
9	Pb	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,001)
10	Cd	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,001)
11	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	≤ 0,05	KPH (GHPH = 0,003)
12	Crom III (Cr ³⁺)	mg/L	US EPA Method 6020B + SMEWW 3500-Cr.B:2023	≤ 0,2	KPH (GHPH = 0,003)
13	Cu	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 2	KPH (GHPH = 0,03)
14	Zn	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 3	< 0,15
15	Ni	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,2	KPH (GHPH = 0,03)
16	Mn	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 0,5	KPH (GHPH = 0,03)
17	Fe	mg/L	US EPA Method 6020B	≤ 1	KPH (GHPH = 0,03)
18	Xyanua (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181:1996	≤ 0,07	KPH (GHPH = 0,005)
19	Tổng Phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	≤ 0,1	KPH (GHPH = 0,001)
20	Dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	≤ 5	< 3,0
21	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	≤ 1	KPH (GHPH = 0,30)
22	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	≤ 0,2	0,112
23	Florua (F ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 5	0,874
24	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 500	103
25	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	≤ 5	0,708

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....25/TN5/2522-05.....

Trang/Page:.....3/3.....

VIMCERTS 093/2025/2370

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A	Kết quả
26	Tổng N	mg/L	TCVN 6624-2:2000	≤ 20	9,58
27	Tổng P	mg/L	US EPA Method 365.3	≤ 4	0,342
28	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	≤ 3000	$5,4 \times 10^2$
29	TDS	mg/L	TN5/HD.HT/05	$\leq 500^*$	418
30	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	$\leq 5^*$	$< 0,30$
31	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	$\leq 10^*$	$< 3,0$
32	NO ₃ ⁻ -N	mg/L	TCVN 6494-1:2011	$\leq 30^*$	8,35

Ghi chú: QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện; “-” Không quy định trong quy chuẩn.
“*” QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - cột A.

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....25/TN5/2523-04.....

Trang/Page:.....1/2

VIMCERTS 093/2025/2374

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- | | |
|--------------------------|--|
| 1. Tên mẫu thử: | Mẫu nước thải sinh hoạt khu ký túc xá sau xử lý. |
| 2. Khách hàng: | Công ty Honda Việt Nam. |
| 3. Lượng mẫu: | 10L. |
| 4. Ngày lấy mẫu: | 04/11/2025. |
| 5. Tình trạng mẫu: | Đựng trong can nhựa, chai nhựa, chai thủy tinh. |
| 6. Thời gian thử nghiệm: | Từ ngày: 04/11/2025 đến ngày: 08/12/2025. |
| 7. Ngày hoàn thành: | 08/12/2025. |

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
MÔI TRƯỜNG VÀ HÓA CHẤT

Đặng Việt Lâm

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2025



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....25/TN5/2523-04.....

Trang/Page:.....2/2.....

VIMCERTS 093/2025/2374

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 14:2008/BTNMT Cột A	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492:2011	5 ÷ 9	7,39
2	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	≤ 30	5,4
3	TSS	mg/L	SMEWW 2540D:2023	≤ 50	11,6
4	TDS	mg/L	TN5/HD.HT/05	≤ 500	312
5	Sulfua (H ₂ S)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	≤ 1,0	0,123
6	NH ₄ ⁺ -N	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	≤ 5	< 0,30
7	NO ₃ ⁻ -N	mg/L	TCVN 6494-1:2011	≤ 30	12,5
8	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	≤ 10	< 3,0
9	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	≤ 5	KPH (GHPH=0,10)
10	PO ₄ ³⁻ -P	mg/L	US EPA Method 365.3	≤ 6	1,83
11	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221 B:2023	≤ 3000	1,1x10 ²

Ghi chú: QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt
KPH: Không phát hiện; GHPH: Giới hạn phát hiện.

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
This test results is value only for samples.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.